

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20-4-2022
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhận

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-DS ngày 16/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2022/QĐ-ST ngày 04/04/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đoàn Minh G**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp 9, xã Tân Thạnh, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp Nhân Dân A, xã Tân Phong, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đoàn Minh G trình bày: Vào năm 2011, anh Đoàn Minh G và chị Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/12/2011. Vợ chồng anh G và chị N chỉ chung sống trong khoảng thời gian ngắn (khoảng 10

ngày) nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do không hợp tính tình và đã không còn chung sống từ ngày 10/01/2012 đến nay, do chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Nay xét thấy không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên anh Đoàn Minh G xin ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Anh G và chị N chung sống không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đoàn Minh G, cho anh Đoàn Minh G ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn” giữa nguyên đơn anh Đoàn Minh G và bị đơn chị Nguyễn Thị N. Bị đơn chị N đang cư trú tại ấp Nhân Dân A, xã Tân Phong, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Vào năm 2011, anh Đoàn Minh G và chị Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phong vào ngày 29/12/2011, nên hôn nhân của anh G và chị N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Anh G xác định vợ chồng chỉ chung sống khoảng 10 ngày, trong khoảng thời gian chung sống thì vợ

chồng có mâu thuẫn, cãi vã nên chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp Nhân Dân A, xã Tân Phong, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu sống cho đến nay. Mặc khác, theo Biên bản xác minh ngày 08/3/2022, chính quyền địa phương xác định năm 2011 chị N và anh G có chung sống vợ chồng nhưng đến năm 2012 thì vợ chồng mâu thuẫn nên đã không còn chung sống từ năm 2012, do anh G và chị N chung sống không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên chị N tự ly hôn, không đồng ý đến Tòa án làm thủ tục ly hôn. Như vậy, sự việc anh G và chị N chung sống và xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 2012 đến nay có thật trên thực tế. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng anh G và chị N đã không còn chung sống khoảng 10 năm nay, tình trạng hôn nhân giữa anh G và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho anh G được ly hôn với chị N là phù hợp.

[4] Nguyên đơn anh Đoàn Minh G xác định vợ chồng chung sống chung sống không có con chung, không có tài sản và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của anh G phù hợp với thông tin địa phương cung cấp về tình trạng hôn nhân, về con chung tài sản chung theo như Biên bản xác minh ngày 08/3/2022. Do đó, có cơ sở xác định anh G và chị N chung sống không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Đoàn Minh G là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đoàn Minh G đối với chị Nguyễn Thị N. Cho anh Đoàn Minh G được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Đoàn Minh G và chị Nguyễn Thị N không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đoàn Minh G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, anh G đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003835 ngày 10/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tx. Giá Rai;
- Chi cục THADS Tx. Giá Rai;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ca Kiều Nguyệt